

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 5455 /UBND-KGVX

Hưng Yên, ngày 14 tháng 8 năm 2026

V/v tiếp tục triển khai thực hiện
phổ cập giáo dục mầm non cho
trẻ em từ 3 đến 5 tuổi

Kính gửi:

- Các Sở: Giáo dục và Đào tạo,
Tài chính, Nội vụ;
- Ủy ban nhân dân các xã, phường;

Thực hiện Công văn số 4642/BGDĐT-GDMN ngày 21/7/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc tiếp tục triển khai thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi theo Nghị định số 277/2025/NĐ-CP ngày 20/10/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 218/2025/QH15 ngày 26/6/2025 của Quốc hội về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi (sau đây gọi tắt là Nghị định số 277/2025/NĐ-CP); theo đề nghị của Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 161/TTr-SGDĐT ngày 06/8/2026; để bảo đảm hoàn thành mục tiêu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi, Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu:

1. Các Sở, ngành: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính, Nội vụ; Ủy ban nhân dân các xã, phường tập trung thực hiện một số nội dung sau:

1.1. Thực hiện đúng lộ trình đạt chuẩn đã xây dựng

Ủy ban nhân dân các xã, phường rà soát toàn bộ các tiêu chí, điều kiện phổ cập; xây dựng kế hoạch thực hiện hằng năm gắn với lộ trình đã đăng ký (chi tiết tại Phụ lục đính kèm); phân công rõ trách nhiệm, tiến độ và kết quả thực hiện đối với từng đơn vị; theo dõi sát sao, đánh giá định kỳ tiến độ triển khai để chủ động điều chỉnh kế hoạch cho phù hợp. Đồng thời, tập trung chỉ đạo quyết liệt để hoàn thành tiến độ đạt chuẩn cấp xã giai đoạn 2026-2027; chủ động hoàn thiện các tiêu chí còn thiếu để đề nghị kiểm tra, công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi.

1.2. Đảm bảo các điều kiện thực hiện phổ cập

Các sở, ngành, Ủy ban nhân dân xã phường theo chức năng, nhiệm vụ rà soát, xác định đầy đủ nhu cầu về nguồn lực để hoàn thành các tiêu chí phổ cập giáo dục mầm non theo Kế hoạch số 17/KH-UBND ngày 19/01/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; ưu tiên cân đối, bố trí ngân sách, lồng ghép các nguồn vốn từ các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, đề án, dự án và các nguồn lực hợp pháp khác để triển khai thực hiện. Tập trung đầu tư đối với các cơ sở còn nhiều khó khăn, địa bàn có khu/cụm công nghiệp, địa bàn có tốc độ gia tăng dân số cơ học cao; đồng thời rà soát, sắp xếp, bố trí giáo viên;

thực hiện đầy đủ các chính sách đối với trẻ em, giáo viên và cơ sở giáo dục mầm non theo quy định.

1.3. Tăng cường kiểm tra, giám sát

- Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân xã phường định kỳ tổ chức kiểm tra, đánh giá cụ thể mức độ hoàn thành các chỉ tiêu và xây dựng phương án khắc phục ngay đối với các tiêu chí chưa đạt; chủ động giải quyết triệt để các vướng mắc phát sinh trong thẩm quyền để không làm ảnh hưởng tiến độ chung.

- Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân xã, phường và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội các cấp nâng cao hiệu quả phối hợp thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động trẻ em đến trường, huy động các nguồn lực hợp pháp và công tác giám sát việc thực hiện chính sách.

2. Giao Sở Giáo dục và Đào tạo

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai, đôn đốc các đơn vị thực hiện các nhiệm vụ theo Kế hoạch số 17; hướng dẫn địa phương rà soát các điều kiện, tiêu chí thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi; triển khai các giải pháp huy động trẻ em từ 3 đến 5 tuổi đến trường, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ theo Chương trình giáo dục mầm non; phối hợp tham mưu thực hiện các chính sách quy định tại Nghị định số 277/2025/NĐ-CP.

3. Giao Sở Tài chính

Hướng dẫn Ủy ban nhân dân xã, phường thực hiện các chính sách quy định tại Nghị định số 277/2025/NĐ-CP, hướng dẫn việc lập dự toán kinh phí thực hiện; đồng thời tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện chính sách theo quy định.

4. Giao Sở Nội vụ

Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân xã, phường rà soát số lượng viên chức, tham mưu đề xuất cấp có thẩm quyền bổ sung đủ số người làm việc trong cơ sở giáo dục mầm non công lập đáp ứng yêu cầu phổ cập giáo dục mầm non trên địa bàn; thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách đối với đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên cấp học mầm non theo quy định.

5. Giao Ủy ban nhân dân các xã, phường

- Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi. Tiếp tục quán triệt và tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc Nghị quyết số 218/2025/QH15 của Quốc hội, Nghị định số 277/2025/NĐ-CP của Chính phủ, Kế hoạch số 17/KH-UBND ngày 19/01/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh và các văn bản chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân tỉnh về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi. Đưa mục tiêu, nhiệm vụ thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3

đến 5 tuổi vào các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương hằng năm, bảo đảm đạt các mục tiêu phổ cập theo Kế hoạch số 17.

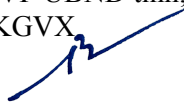
- Chỉ đạo rà soát hiện trạng cơ sở vật chất, trường lớp; sắp xếp đủ khối phòng học, phòng hành chính quản trị, các hạng mục công trình phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ; bổ sung đủ thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi... theo quy định; chủ động bố trí, sắp xếp đội ngũ giáo viên đáp ứng yêu cầu thực hiện Chương trình giáo dục mầm non; thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách theo quy định tại Nghị định số 277/2025/NĐ-CP.

- Ủy ban nhân dân các xã, phường chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh về tiến độ, kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi trên địa bàn; định kỳ báo cáo tình hình, kết quả thực hiện theo quy định về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp).

Quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan đơn vị gửi văn bản về Sở Giáo dục và Đào tạo để được hướng dẫn thực hiện, hoặc tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, giải quyết theo thẩm quyền./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu VT, KGVX.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phạm Văn Nghiêm



Phụ lục
ĐĂNG KÝ ĐẠT CHUẨN PHỔ CẬP GIÁO DỤC MẦM NON
CHO TRẺ EM TỪ 3 ĐẾN 5 TUỔI

*(Kèm theo Công văn số /UBND-KGVX ngày tháng 8 năm 2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)*

TT	Xã, phường	Năm/giai đoạn đăng ký đạt chuẩn
1.	Phường Thái Bình	2026-2027
2.	Phường Trần Lãm	2026-2027
3.	Phường Trần Hưng Đạo	2026-2027
4.	Phường Trà Lý	2026-2027
5.	Phường Vũ Phúc	2026-2027
6.	Phường Mỹ Hào	2027
7.	Phường Đường Hào	2027
8.	Phường Thượng Hồng	2027
9.	Phường Phố Hiến	2027
10.	Phường Sơn Nam	2027
11.	Phường Hồng Châu	2027
12.	Xã Vũ Thư	2026-2027
13.	Xã Thư Trì	2026-2027
14.	Xã Tân Thuận	2026-2027
15.	Xã Thư Vũ	2026-2027
16.	Xã Vũ Tiên	2026-2027
17.	Xã Vạn Xuân	2026-2027
18.	Xã Kiến Xương	2026-2027
19.	Xã Lê Lợi	2027
20.	Xã Quang Lịch	2026
21.	Xã Vũ Quý	2026-2027
22.	Xã Bình Thanh	2027
23.	Xã Bình Định	2027
24.	Xã Hồng Vũ	2027
25.	Xã Bình Nguyên	2027
26.	Xã Trà Giang	2026-2027
27.	Xã Tiền Hải	2026-2027
28.	Xã Tây Tiền Hải	2026-2027
29.	Xã Đông Tiền Hải	2026-2027
30.	Xã Nam Tiền Hải	2026-2027
31.	Xã Ái Quốc	2026
32.	Xã Đông Châu	2026-2027
33.	Xã Nam Cường	2026
34.	Xã Hưng Phú	2026-2027
35.	Xã Yên Mỹ	2027
36.	Xã Việt Yên	2027
37.	Xã Hoàn Long	2026-2027

TT	Xã, phường	Năm/ giai đoạn đăng ký đạt chuẩn
38.	Xã Nguyễn Văn Linh	2027
39.	Xã Khoái Châu	2027
40.	Xã Triệu Việt Vương	2027
41.	Xã Việt Tiến	2027
42.	Xã Chí Minh	2027
43.	Xã Châu Ninh	2027
44.	Xã Ân Thi	2027
45.	Xã Xuân Trú	2027
46.	Xã Phạm Ngũ Lão	2027
47.	Xã Nguyễn Trãi	2027
48.	Xã Hồng Quang	2027
49.	Xã Tiên La	2026-2027
50.	Xã Lê Quý Đôn	2026-2027
51.	Xã Hồng Minh	2026-2027
52.	Xã Thần Khê	2026-2027
53.	Xã Diên Hà	2026-2027
54.	Xã Ngự Thiên	2027
55.	Xã Long Hưng	2026
56.	Xã Hưng Hà	2026-2027
57.	Xã Nghĩa Trụ	2027
58.	Xã Phụng Công	2027
59.	Xã Văn Giang	2027
60.	Xã Mỹ Sở	2027
61.	Xã Lương Bằng	2026-2027
62.	Xã Nghĩa Dân	2027
63.	Xã Hiệp Cường	2027
64.	Xã Hoàng Hoa Thám	2027
65.	Xã Tiên Lữ	2027
66.	Xã Tiên Hoa	2026
67.	Xã Đức Hợp	2027
68.	Xã Quang Hưng	2027
69.	Xã Đoàn Đào	2027
70.	Xã Tiên Tiến	2027
71.	Xã Tống Trân	2027
72.	Xã Tân Hưng	2027
73.	Xã Như Quỳnh	2027
74.	Xã Lạc Đạo	2027
75.	Xã Đại Đồng	2026
76.	Xã Đông Hưng	2027
77.	Xã Nam Đông Hưng	2026-2027
78.	Xã Bắc Đông Hưng	2026-2027
79.	Xã Bắc Tiên Hưng	2026-2027
80.	Xã Đông Tiên Hưng	2026-2027
81.	Xã Nam Tiên Hưng	2027
82.	Xã Tiên Hưng	2026-2027

TT	Xã. nhàn	Năm/ơai đoạn đăn kú đat chuẩn
83.	Xã Bắc Đông Quan	2026-2027
84.	Xã Đông Quan	2026-2027
85.	Xã Thái Thụy	2026-2027
86.	Xã Đông Thụy Anh	2026-2027
87.	Xã Bắc Thụy Anh	2027
88.	Xã Thụy Anh	2026-2027
89.	Xã Nam Thụy Anh	2026-2027
90.	Xã Tây Thụy Anh	2026
91.	Xã Bắc Thái Ninh	2026-2027
92.	Xã Thái Ninh	2026-2027
93.	Xã Đông Thái Ninh	2027
94.	Xã Nam Thái Ninh	2027
95.	Xã Tây Thái Ninh	2027
96.	Xã Quỳnh Phụ	2026-2027
97.	Xã Minh Thọ	2026-2027
98.	Xã Nguyễn Du	2027
99.	Xã Quỳnh An	2026-2027
100.	Xã Ngọc Lâm	2026-2027
101.	Xã Đồng Bằng	2026-2027
102.	Xã A Sào	2026-2027
103.	Xã Phụ Dực	2026-2027
104.	Xã Tân Tiến	2026-2027